

Điều 8.— Quyết định này thi hành kể từ ngày ký; những quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 9.— Tổng công đoàn Việt Nam thống nhất với Bộ Nội thương, Bộ Lương thực, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Bộ Tài chính, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành quyết định này.

Điều 10.— Bộ trưởng các Bộ, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 1983

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH — NÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ liên bộ số 37-TT/LB ngày 30-12-1982 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận các xí nghiệp sản xuất nông nghiệp quốc doanh.

Căn cứ quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng bổ sung quyết định số 25-CP ngày 21-1-1981.

Căn cứ vào đặc điểm của sản xuất nông nghiệp.

Liên Bộ Tài chính — Nông nghiệp hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận

cho xí nghiệp sản xuất nông nghiệp quốc doanh thực hiện hạch toán kinh tế như sau.

I. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT BẢNG VẬT TƯ NHÀ NƯỚC GIAO VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT BẢNG VẬT TƯ TỰ TÌM KIẾM TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP.

1. Đất đai là một trong những nguyên liệu sản xuất chủ yếu của các xí nghiệp sản xuất nông nghiệp. Căn cứ vào đặc điểm trên và đề các xí nghiệp sản xuất nông nghiệp tiến hành sản xuất, Nhà nước cung cấp một số vật tư như xăng dầu, phân hóa học, thuốc trừ sâu, máy móc thiết bị, thức ăn đậm, khoáng; còn một số vật tư khác Nhà nước giao cho xí nghiệp tự sản xuất và khai thác tại chỗ như phân chuồng, phân xanh, thức ăn tinh, thô, đồng cỏ, hạt giống và sức kéo bằng sức vật (trâu, bò)... Tất cả các loại vật tư này đều phải coi là vật tư Nhà nước giao để lập kế hoạch sản xuất sản phẩm và tích lũy cho Nhà nước.

2. Những xí nghiệp dùng vật tư tự tìm kiếm để trồng trọt, chăn nuôi riêng, phải hạch toán chi phí sản xuất sản phẩm và kết quả lãi lỗ riêng.

Những xí nghiệp dùng vật tư tự tìm kiếm góp thêm với vật tư Nhà nước giao để thâm canh tăng sản lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, khó phân biệt kết quả sản xuất, tài chính, do từng nguồn vật tư mang lại thì trường hợp này, công tác kế hoạch, thống kê kế toán quy định như sau:

Xí nghiệp lập kế hoạch giao nộp sản phẩm và tích lũy tương ứng với vật tư Nhà nước giao, nếu có thêm vật tư tự tìm

kiểm thi sản phẩm và tích lũy tạo ra nhất thiết phải cao hơn kế hoạch Nhà nước, xí nghiệp được đăng ký vượt kế hoạch Nhà nước về số sản phẩm và tích lũy làm bằng vật tư tự tìm kiếm. Khi quyết toán phần vượt kế hoạch, có thể do nhiều nguyên nhân phần đầu chủ quan (cải tiến kỹ thuật, tăng cường quản lý, tự tìm kiếm vật tư...) nhưng dễ đơn giản công tác hạch toán, các thành tích này đều được hạch toán vào phần vượt kế hoạch Nhà nước.

3. Kết quả sản xuất nông nghiệp vừa phụ thuộc vào sự tác động chủ quan của con người, vừa phụ thuộc vào độ phì của đất đai. Để khuyến khích xí nghiệp vừa khai thác sản phẩm và hạ giá thành, vừa thực hiện tốt việc thâm canh vườn cây, đàn gia súc, bảo đảm lợi ích lâu dài, Nhà nước sẽ ổn định mức giao nộp sản phẩm và tích lũy từ 3 đến 5 năm cho những xí nghiệp có nhiệm vụ sản xuất và điều kiện cung ứng vật tư tương đối ổn định, nhưng mức ổn định này tối thiểu không thấp hơn mức đã thực hiện bình quân 3 năm 1980 - 1981 - 1982.

Phần vượt mức ổn định bất kể do nguyên nhân chủ quan nào đều được coi là vượt kế hoạch Nhà nước.

II. HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH, GIÁ XÍ NGHIỆP, GIÁ BÁN BUỒN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP.

1. Hạch toán giá thành:

a) Đối với những sản phẩm sản xuất bằng vật tư Nhà nước giao, xí nghiệp hạch toán giá thành theo giá chỉ đạo của Nhà nước.

b) Đối với những sản phẩm được tổ chức sản xuất riêng bằng vật tư tự tìm

kiểm thi phải hạch toán chi phí, tính giá thành riêng theo giá thực tế thu mua.

e) Đối với những sản phẩm sản xuất bằng cả hai nguồn vật tư Nhà nước giao và vật tư tự tìm kiếm thì:

Tất cả các loại vật tư sử dụng vào sản xuất (kể cả vật tư tự tìm kiếm) được hạch toán vào giá thành theo giá cung cấp vật tư của Nhà nước, cộng thêm với chi phí vận chuyển, bảo quản (nếu có) để tính vào giá thành cho số sản phẩm thuộc kế hoạch Nhà nước giao.

— Xí nghiệp hạch toán riêng số chênh lệch giá của loại vật tư tự tìm kiếm (giá mua thực tế (—) giá cung cấp vật tư của Nhà nước) và phân bổ số chênh lệch này cho sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm (gọi chung là sản phẩm vượt kế hoạch). Như vậy, giá thành sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm sẽ bằng giá thành sản xuất bằng vật tư Nhà nước giao cộng thêm (hoặc trừ bớt) khoản chênh lệch giá giữa hai loại vật tư đó.

2. Lợi nhuận định mức:

a) Nguyên tắc xác định lợi nhuận định mức phải đủ để chi các quỹ xí nghiệp, tự bù chi ngoài giá thành, trả lãi vay ngân hàng, và có khoảng 15 - 20% nộp ngân sách Nhà nước.

Tại thông tư số 327-VGNN/THBB ngày 27-8-1981 Ủy ban Vật giá Nhà nước đã quy định tỷ lệ lợi nhuận định mức bằng 12% giá thành toàn bộ của sản phẩm nông nghiệp. Khi tính theo tỷ lệ này nếu có trường hợp số lợi nhuận định mức quá nhiều hoặc quá ít so với yêu cầu trên thì xí nghiệp phải lập phương án tính toán lại và trình liên Bộ (nếu là xí nghiệp trung ương) hoặc chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương (nếu là xí nghiệp địa phương) xem xét quyết định.

b) Đối với sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm thì lợi nhuận định mức (tính theo số tuyệt đối) bằng lợi nhuận định mức của sản phẩm sản xuất bằng vật tư Nhà nước giao.

3. Giá xí nghiệp và giá bán buôn sản phẩm nông nghiệp:

Từ trước đến nay Nhà nước chưa quy định giá xí nghiệp, giá bán buôn sản phẩm nông nghiệp quốc doanh (trừ sản phẩm cao su sơ chế), do vậy hầu hết các nông sản phẩm hiện nay đều tạm thanh toán theo giá chỉ đạo thu mua nông sản quy định cho khu vực tập thể. Gần đây giá thành của nhiều mặt hàng đã cao hơn giá chỉ đạo thu mua nói trên, nên nhiều xí nghiệp nông nghiệp bị lỗ. Hiện nay Bộ Nông nghiệp cùng Ủy ban Vật giá Nhà nước và các ngành có liên quan đang khẩn trương nghiên cứu xây dựng giá xí nghiệp, giá bán buôn sản phẩm nông nghiệp theo tinh thần quyết định số 95-HĐBT ngày 26-9-1981 của Hội đồng bộ trưởng và chế độ quản lý giá hiện hành của Nhà nước.

Trong khi chưa có quy định mới, trước mắt liên bộ tạm thời hướng dẫn như sau:

a) Đối với sản phẩm cao su sơ chế:

Nhà nước đã quy định giá bán buôn vật tư, Tổng cục Cao su sẽ cùng Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng giá xí nghiệp, xác định mức thu quốc doanh theo chế độ hiện hành.

b) Đối với các mặt hàng nông sản khác:

Nếu giao theo giá chỉ đạo thu mua của khu vực tập thể mà vẫn có khoản thu nộp ngân sách, dù lợi nhuận định mức để chi

các quỹ xí nghiệp, chi ngoài giá thành thì vẫn tạm giao theo giá trên cho đến khi có quy định mới.

Nếu những mặt hàng giao theo giá chỉ đạo thu mua của khu vực tập thể mà bị lỗ, hoặc không có tích lũy, không đủ lợi nhuận định mức để chi quỹ xí nghiệp, chi ngoài giá thành, thì xí nghiệp phải kiểm tra phân tích loại trừ các khoản chi bất hợp lý, tìm biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

Trên cơ sở giá thành xác định lại, xí nghiệp được cộng thêm lợi nhuận định mức quy định ở đoạn a, điểm 2, mục II trên đây để lập giá xí nghiệp tạm thời trình cơ quan có thẩm quyền duyệt. Xí nghiệp được cùng giá xí nghiệp tạm thời này để thanh toán với người nhận hàng cho đến khi có quy định mới.

c) Đối với sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm (gọi chung là sản phẩm vượt kế hoạch). Do giá vật tư tự tìm kiếm thực tế thường cao hơn giá vật tư Nhà nước cung ứng, nên sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm có giá thành cao hơn giá thành của sản phẩm trong kế hoạch Nhà nước giao. Để sản phẩm làm bằng vật tư tự tìm kiếm có đủ số lợi nhuận định mức (số tuyệt đối) bằng với lợi nhuận định mức của sản phẩm kế hoạch Nhà nước giao, giá xí nghiệp của những sản phẩm này tính bằng giá thành toàn bộ sản phẩm làm bằng vật tư tự tìm kiếm cộng thêm với lợi nhuận định mức (tức là bằng giá xí nghiệp của sản phẩm thuộc kế hoạch Nhà nước giao cộng thêm khoản chênh lệch giá giữa 2 loại vật tư đó). Xí nghiệp được thanh toán cho người nhận hàng theo giá này.

Nếu giá xí nghiệp tạm thời quá cao, các cơ quan thương nghiệp không mua.

xã hội cũng không chấp nhận (nghĩa là không tiêu thụ được hoặc tiêu thụ nhưng bị lỗ) thì xí nghiệp phải xem xét chuyển hướng sản xuất, Ngân sách Nhà nước không cấp bù lỗ và không cấp bù quỹ xí nghiệp.

III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP

1. Đối với phần kế hoạch được Nhà nước cung ứng vật tư hoặc trong mức ổn định kế hoạch:

Nếu đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước, hoàn thành mức ổn định giao nộp sản phẩm và tích lũy thì ngoài việc trích lập quỹ phát triển sản xuất theo chế độ hiện hành, sẽ được trích lợi nhuận để lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi bằng 24% tổng quỹ lương thực hiện cả năm của công nhân sản xuất ra sản phẩm thuộc phần kế hoạch Nhà nước cung ứng vật tư (loại trừ các khoản chi không hợp lý trong quỹ lương như sản phẩm hỏng, lương ngừng việc vượt định mức cho phép, các khoản chi sai chính sách chế độ tiền lương hiện hành của Nhà nước) trong đó dành 70% cho quỹ khen thưởng, 30% cho quỹ phúc lợi. Sau khi trích các quỹ nói trên, số lợi nhuận còn lại nộp ngân sách Nhà nước.

2. Đối với phần lợi nhuận sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm mà xí nghiệp hạch toán riêng hoặc phần lợi nhuận vượt kế hoạch Nhà nước giao, xí nghiệp được trích 60% số lợi nhuận đó để bổ sung cho các quỹ theo tỷ lệ sau:

- 60% cho quỹ khen thưởng.
- 20% cho quỹ phúc lợi,

— 20% cho quỹ phát triển sản xuất.

Số lợi nhuận còn lại nộp ngân sách Nhà nước.

Phải loại trừ khoản lợi nhuận tăng hoặc giảm do nguyên nhân khách quan (như thay đổi giá cả vật tư theo quyết định của Nhà nước) khi xét duyệt, công nhận, công bố hoàn thành kế hoạch.

3. Trường hợp xí nghiệp không hoàn thành 3 chỉ tiêu pháp lệnh chủ yếu: Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện; sản phẩm chủ yếu giao nộp theo tiêu chuẩn chất lượng quy định, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách (lợi nhuận thực hiện hụt kế hoạch hoặc không đạt chỉ tiêu nộp lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách), thì cứ mỗi phần trăm không hoàn thành của một chỉ tiêu chủ yếu phải giảm trừ 2% số tiền trích theo mức cơ bản của mỗi quỹ.

Nếu xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch nộp lợi nhuận thuộc phần kế hoạch sản xuất bằng vật tư Nhà nước giao mà không có lý do chính đáng thì phải bù cho đủ số lợi nhuận kế hoạch Nhà nước giao, phần còn lại mới coi là lợi nhuận vượt kế hoạch bằng vật tư tự tìm kiếm. Nếu số vật tư tự tìm kiếm tổ chức sản xuất riêng, hạch toán giá thành và lãi lỗ riêng thì trong trường hợp này xí nghiệp cũng được lấy lợi nhuận tự tìm kiếm bù cho phần lợi nhuận thiếu hụt thuộc kế hoạch Nhà nước giao. Nếu bù đủ thì khi xét duyệt hoàn thành phần kế hoạch do Nhà nước cung ứng vật tư sẽ được coi là đã hoàn thành kế hoạch nộp lợi nhuận.

4. Đối với sản xuất sản phẩm phụ:

Khi tiêu thụ sản phẩm phụ, xí nghiệp phải nộp các khoản thuế (hoặc thu quốc doanh) theo chế độ hiện hành. Lợi nhuận sản xuất sản phẩm phụ được trích 70% vào các quỹ và phân phối theo tỷ lệ sau:

- 60% cho quỹ khen thưởng
- 20% cho quỹ phúc lợi
- 20% cho quỹ phát triển sản xuất.

Số lợi nhuận còn lại nộp ngân sách Nhà nước.

5. Đối với đơn vị có lợi nhuận sản xuất bằng phương thức vay ngoại tệ của ngân hàng để nhập vật tư chủ yếu sản xuất mặt hàng xuất khẩu:

Đơn vị phải chấp hành đúng chế độ của Nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu, về tín dụng ngân hàng và quản lý ngoại tệ. Mọi khoản thu chi phải hạch toán riêng và quy ra tiền Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Nhà nước quy định. Phần lợi nhuận đơn vị thu được do vay ngoại tệ của ngân hàng để sản xuất, sau khi đã trả nợ, lãi vay ngân hàng bằng ngoại tệ, làm đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước theo chế độ hiện hành, được trích 60% vào các quỹ (không có trường hợp nào được trích bằng ngoại tệ) và phân bổ theo tỷ lệ sau:

- 60% cho quỹ khen thưởng
- 20% cho quỹ phúc lợi
- 20% cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất.

Số lợi nhuận còn lại nộp ngân sách Nhà nước.

6. Phạt vi phạm chế độ, chính sách quản lý kinh tế, tài chính:

Nếu trong năm kế hoạch, đơn vị vi phạm các chế độ chính sách quản lý kinh tế — tài chính như chế độ giao nộp sản phẩm, chính sách giá cả, hợp đồng kinh tế, chế độ báo cáo thống kê và thu nộp ngân sách thì cứ mỗi vi phạm thuộc phần kế hoạch nào (kế hoạch sản xuất chính, kế hoạch sản xuất phụ) sẽ tùy theo mức độ vi phạm mà giảm trừ quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi từ 2 đến 5% số tiền được trích.

7. Mức không chế hai quỹ khen thưởng và phúc lợi:

Nếu quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi trong cả năm của xí nghiệp được trích từ các nguồn khác nhau (sản xuất chính, sản xuất phụ) cộng lại mà mỗi quỹ vượt 6 tháng lương thực tế bình quân năm của công nhân viên sản xuất, thì số vượt đó xí nghiệp được để lại 30%, nộp cấp trên 20% để lập quỹ dự trữ tài chính tập trung, số còn lại (50%) nộp ngân sách Nhà nước, số để lại cho đơn vị (30%) được phân phối cho các quỹ theo tỷ lệ như phần vượt kế hoạch.

Nếu xí nghiệp không hoàn thành các phần kế hoạch sản xuất, sản xuất phụ mà bị giảm trừ mức trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi quá lớn không đạt mức bình quân đầu người cả hai quỹ cộng lại bằng 60 đồng, thì sẽ được ngân sách trợ cấp cho đủ mức bình quân đó.

Thông tư này áp dụng đối với xí nghiệp sản xuất nông nghiệp thuộc tất cả các ngành, kể cả xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương (nông trường quốc

doanh, trạm trại hạch toán kinh tế) và có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1983. Riêng phần phân phối lợi nhuận trích lập quỹ xí nghiệp được áp dụng từ năm 1982, căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, tài chính đã giao năm 1982.

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1982

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

NGUYỄN NGỌC TRIỀU

Bộ trưởng Bộ Tài chính

CHU TAM THỨC

**TÀI CHÍNH — TỔNG CỤC HÀNG KHÔNG
DÂN DỤNG**

THÔNG TƯ liên bộ số 38-TT/LB ngày 30-12-1982 hướng dẫn thi hành chế độ phân phối lợi nhuận đối với Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam theo quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng.

Sau khi Hội đồng bộ trưởng ban hành quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 sửa đổi và bổ sung quyết định số 25-CP, Bộ Tài chính đã có thông tư số 21-TC/CNA ngày 1-9-1982 hướng dẫn việc hạch toán giá thành, xác định mức thu quốc doanh, thi hành chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ xí nghiệp trong các ngành sản xuất kinh doanh. Để thống nhất thi hành chế độ phân phối lợi nhuận và

trích lập các quỹ xí nghiệp trong ngành hàng không dân dụng, ngoài những quy định chung trong thông tư số 21-TC/CNA nói trên, liên Bộ Tài chính — Tổng cục hàng không dân dụng Việt Nam hướng dẫn thêm một số điểm như sau.

I. XÁC ĐỊNH CÁC PHẦN KẾ HOẠCH VÀ LỢI NHUẬN CỦA TỔNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

A. Xác định các phần kế hoạch.

Do đặc điểm kinh tế — kỹ thuật chủ yếu của ngành hàng không dân dụng nên những vật tư mà ngành sử dụng dù do Nhà nước cung ứng theo kế hoạch hay tự khai thác của các cơ quan, xí nghiệp khác đều thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý, cho nên Tổng cục Hàng không dân dụng chỉ có kế hoạch sản xuất chính và kế hoạch sản xuất phụ.

1. Kế hoạch sản xuất chính bao gồm:

a) Kinh doanh vận tải (kinh doanh chính):

— Vận tải hành khách và hàng hóa trong và ngoài nước.

— Hoạt động của máy bay chuyên phục vụ việc đi lại của cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta (chuyên cơ).

— Hoạt động bay phục vụ chuyên dụng theo yêu cầu của một số ngành; phục vụ thăm dò địa chất, dầu khí, chụp ảnh; phục vụ nông nghiệp (phun thuốc trừ sâu, diệt cỏ...).

— Các dịch vụ máy bay quốc tế đến Việt Nam bao gồm tổng đại lý bán vé,